

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – ĐỒNG NAI**

Bản án số: 34/2026/HS-ST
Ngày 26 - 5 - 2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Hùng

Bà Nguyễn Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thuý Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2026/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2026/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Lê Văn P, sinh năm 1993, nơi sinh: thành phố Đồng Nai; Nơi thường trú: Ấp 5, xã Hưng P, thành phố Đồng Nai; nơi ở hiện tại: Ấp 5, xã Hưng P, thành phố Đồng Nai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Lâm Mỹ L; bị cáo chưa có vợ, có 02 người con nuôi sinh năm 2025; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2023 bị TAND huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước (cũ) xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, tại Bản án số 21/2023/HSST ngày 07/4/2023. Bị can đã chấp hành xong hình phạt chính và đã đóng án phí dân sự, thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2025 cho đến nay, “có mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1990 “có mặt”.

Nơi thường trú: Ấp 5, xã Hưng P, thành phố Đồng Nai.

2. Ông Đặng Văn L1, sinh năm 1982 “vắng mặt”.

Nơi thường trú: Ấp Tràm Lạc, xã Đức Lập, tỉnh Tây Ninh.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng:

Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1964 “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn P là đối tượng sinh sống tại khu vực biên giới Việt Nam Campuchia thuộc ấp 5, xã Hưng P, thành phố Đồng Nai nên biết đến gần Tết Nguyễn Đán thì sẽ có các đối tượng người Campuchia mang pháo nổ đến khu vực vành đai biên giới để bán pháo cho người Việt Nam mua về sử dụng.

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 31/12/2025, Lê Văn P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave màu đỏ đen, biển số 93K1-041.79 đi đến Ngã 3/2 (đường mòn do người dân tự mở để đi qua Campuchia) thuộc ấp 13, xã Thiện H, thành phố Đồng Nai mua 05 hộp pháo nổ của đối tượng tên Ty (không rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 2.170.000 đồng nhằm mục đích mang về nhà ở ấp 5, xã Hưng P cất giấu và sử dụng trong dịp Tết Nguyễn Đán. Khi Phong đang điều khiển xe mô tô chở pháo đến khu vực đường liên ấp, thuộc ấp 5, xã Hưng P, thành phố Đồng Nai thì bị lực lượng Công an xã Hưng P yêu cầu dừng xe, kiểm tra, phát hiện pháo nổ nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 02 túi nylon màu đen, bên trong có 05 hộp pháo với tổng trọng lượng là 8,95kg và 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave màu đỏ đen, biển số 93K1-041.79.

Tại Bản Kết luận giám định số 17/KL-KTHS ngày 03/01/2026 của Phòng Kỹ thuật hình sự kết luận: 05 khối hình hộp ký hiệu M1 và M2 được niêm phong gửi giám định đều là pháo nổ (pháo hoa nổ), khi đốt bay lên cao, nổ và phát ra ánh sáng nhiều màu, tổng khối lượng lần lượt là: M1= 5,7 kg (Năm phẩy ki lô gam); M2=3,25kg (Ba phẩy hai mươi lăm ki lô gam).

Tại bản Cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai truy tố bị cáo Lê Văn P về tội “Tàng trữ hàng cấm” theo điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025 (sau đây gọi là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, luận tội, tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191, Điều 38, Điều 50, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 31/12/2025.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Đối với 05 hộp pháo nổ có trọng lượng 8,95kg (theo Kết luận giám định của Phòng KTHS Công an thành phố Đồng Nai) thu giữ của Lê Văn P, Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định hết 03 hộp với trọng lượng 5,4 kg, còn lưu giữ lại 02 hộp pháo với trọng lượng 3,55 kg để phục vụ hoạt động truy tố và xét xử, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe mô tô hiệu Honda, loại Wave màu đỏ đen, biển số 93K1-041.79. Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định, xác định xe mô tô trên có số khung hiện tại: RLHHC0926Y451874 là số nguyên thủy; số máy hiện tại: HC09E-6451990 đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã xác định.

Bị cáo P nói lời sau cùng: Sau khi phạm tội bị cáo đã rất hối hận nên xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đồng Nai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Xét lời khai nhận của bị cáo tại tòa, các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản khám phương tiện; Kết luận giám định số 17/KL-KTHS ngày 03/01/2026 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Đồng Nai; lời khai của người làm chứng phù hợp về thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, vật chứng của vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 31/12/2025, bị cáo Lê Văn P đã thực hiện hành vi sử dụng xe mô tô hiệu Honda loại Wave màu đỏ đen, biển số 93K1-041-79 vận chuyển 8,95kg pháo nổ từ khu vực Ngầm 3/2 (vành đai biên giới Việt Nam - Campuchia) thuộc ấp 13, xã Thiện

H, thành phố Đồng Nai về nhà ở ấp 5, xã Hưng P, thành phố Đồng Nai, nhằm mục đích cất giấu để sử dụng thì bị lực lượng Công an xã Hưng P, thành phố Đồng Nai phát hiện bắt quả tang.

[3] Đối chiếu hành vi nêu trên của bị cáo Lê Văn P với quy định của pháp luật hình sự thì hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ hàng cấm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điều 191 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai, truy tố bị cáo Lê Văn P về tội “Tàng trữ hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quản lý kinh tế của Nhà nước về pháo nổ. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng nhằm mục đích cất giấu pháo nổ để sử dụng nên bị cáo đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật và phòng ngừa chung.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

[5.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo P đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đang nuôi hai con nhỏ dưới 15 tuổi đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Văn P không có tình tiết tăng nặng tránh nhiệm hình sự.

[5.3] Về nhân thân: Bị cáo P tuy chưa có tiền án, tiền sự nhưng trước đó vào năm 2023, đã bị TAND huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước (cũ) xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, tại Bản án số 21/2023/HSST ngày 07/4/2023. Mặc dù, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính và đã đóng án phí dân sự, thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân, trở thành công dân tốt mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, chứng tỏ bị cáo là người thiếu ý thức chấp hành các quy định của pháp luật.

[6] Xét về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 191 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, ...”. Do đó, bị cáo P có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy, khi thực hiện tội phạm và tại phiên tòa thể hiện bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định (lao động tự

do) không có thu nhập thường xuyên nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo P.

[7] Về vật chứng:

Đối với 02 hộp pháo với trọng lượng 3,55 kg (còn lại sau giám định) là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe mô tô hiệu Honda, loại Wave màu đỏ đen, biển số 93K1-041.79. Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định, xác định xe mô tô trên có số khung hiện tại: RLHHC0926Y451874 là số nguyên thủy; số máy hiện tại: HC09E-6451990 là phương tiện bị cáo P sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đề cập xử lý.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai đề nghị mức hình phạt chính và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và đề nghị xử lý vật chứng là có căn cứ, đúng quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với, đối tượng tên Ty đã bán pháo cho bị cáo Lê Văn P và đối tượng tên Tuấn đã cho bị cáo P mượn điện thoại di động để liên hệ mua pháo: Cơ quan đã tiến hành xác minh, truy tìm nhưng không có kết quả vì vậy không đề cập xử lý.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Văn P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn P phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”.

Căn cứ Điều 260, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt bị cáo Lê Văn P 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 31/12/2025.

2. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ vào các Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu tiêu hủy 02 hộp pháo với trọng lượng 3,55 kg (còn lại sau giám định).

- Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave màu đỏ đen, biển số 93K1- 041.79. Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định, xác định xe mô tô trên có số khung hiện tại: RLHHC0926Y451874 là số nguyên thủy; số máy hiện tại: HC09E-6451990.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 9028/2026 ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Phòng THADS khu vực 13, tỉnh Đồng Nai).

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo P phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tp. Đồng Nai;
- Công an Tp. Đồng Nai;
- VKSND khu vực 13 – Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 13 – Đồng Nai
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Công